

Số: 151/BC-MNCM

Chí Minh, ngày 14 tháng 06 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM: 2025

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường mầm non Chí Minh
2. Địa chỉ trụ sở chính: KDC Khang Thọ - Phường Chí Minh – Thành phố Chí Linh – Tỉnh Hải Dương.
Địa chỉ khu 2: KDC Mật Sơn - Phường Chí Minh – Thành phố Chí Linh – Tỉnh Hải Dương.

Cổng thông tin điện tử: <http://cl-mnchiminhhaiduong.edu.vn>

3. Loại hình nhà trường: Công lập

4. Sứ mạng và tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường.

*** Sứ mạng**

- Xây dựng trường học hạnh phúc.
- Tạo dựng được môi trường học tập thân thiện, có chất lượng giáo dục cao, để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển hết tài năng trí tuệ của mình.
- Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, môi trường "học bằng chơi, chơi mà học" cho trẻ gắn với phong trào thi đua xây dựng "Trường học thân thiện, học sinh tích cực". " Trẻ em hôm nay - Thế giới ngày mai"; " Tất cả vì học sinh thân yêu"

*** Tầm nhìn:**

Là một trong những trường chất lượng cao của Thành Phố Chí Linh; Nơi giáo viên và trẻ luôn có cơ hội phát triển tư duy sáng tạo. Phân đầu trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

*** Mục tiêu**

- Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục phù hợp với xu thế phát triển của địa phương, đất nước và thời đại.
- Phân đầu đến năm 2027, trường Mầm non Chí Minh có cảnh quan sư phạm và cơ sở vật chất đáp ứng chất lượng chăm sóc giáo dục của Thành Phố Chí Linh. Đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của nhà trường.

Trường mầm non Chí Minh được thành lập năm 1976

Trải qua 48 năm xây dựng và phát triển. Trong những năm đầu các nhóm lớp còn nằm rải rác ở các thôn đội, đường xá lầy lội, các phòng học đa số là nhà cấp 4, học chung cùng nhà văn hóa thôn, kinh phí nghèo nàn, lương G/V thấp. Đến nay trường lớp đã khang trang hơn, to đẹp hơn, cơ sở vật chất đã từng bước được hoàn thiện đáp ứng yêu cầu dạy và học.

Trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 năm 2008. Trải qua 3 lần đều được công nhận lại chuẩn sau 5 năm.

6. Thông tin người đại diện hợp pháp bao gồm:

Họ và tên: Nguyễn Thị Tú Lan

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: KDC Khang Thọ - Phường Chí Minh – Thành phố Chí Linh – Tỉnh Hải Dương.

Số điện thoại: 034.458.2488

Địa chỉ thư điện tử: nguyentulanmn@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a. Quyết định số 863/QĐ-UBND ngày 10/12/2012 của Ủy ban nhân dân Thị xã Chí Linh về việc phân hạng các trường mầm non, tiểu học, Trung học cơ sở.

b. Hội đồng trường nhiệm kỳ 2023 – 2028 gồm các thành viên sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ hiện tại	Chức vụ đề nghị trong Hội đồng trường
1	Nguyễn Thị Biên Thùy	Phó hiệu trưởng – Chủ tịch Công đoàn	Chủ tịch
2	Trần Thị Hiền	TTCM MG 4 - 5 tuổi	Thư ký
3	Mạc Văn Tăng	Phó chủ tịch UBND Phường Chí Minh	Ủy viên
4	Nguyễn Thị Tú Lan	Bí thư chi bộ - Hiệu trưởng	Ủy viên
5	Nguyễn Thị Nhung	Bí thư chi đoàn thanh niên	Ủy viên
6	Dương Thị Phượng	Ban đại diện cha mẹ HS	Ủy viên

c, Quyết định bổ nhiệm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.

+ Quyết định số: 3309/QĐ-UBND. Ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Chí Linh V/v Bổ nhiệm lại chức vụ Hiệu trưởng Trường mầm non Chí Minh.

+ Quyết định số 3705/QĐ- UBND ngày 22/11/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Chí Linh V/v Bổ nhiệm lại chức vụ Phó hiệu trưởng Trường mầm non Chí Minh.

+ Quyết định số 2423/QĐ- UBND ngày 13/06/2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Chí Linh Quyết định V/v điều động và bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo quản lý.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý															
ST T	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số GV, CBQL và nhân viên	40			39	1	1								
I	Giáo viên	34			35	1									
1	Nhà trẻ	6			5	1	0			5	1	4	2		
2	Mẫu giáo	30			30	0	0			9	21	25	5		
II	Cán bộ quản lý	3			3										
1	Hiệu trưởng	1			1					1		1			
2	P. hiệu trưởng	2			2					1	1	2			
III	Nhân viên	1					1								
1	NV văn thư														
2	NV kế toán	1					1								
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế														
5	Nhân viên khác	12					1	11							

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	18	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	18	1,5
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
III	Số điểm trường	2	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m ²)	5642	
V	Tổng diện tích sân chơi (m ²)	1725	
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	918	
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)		
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	185	
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	468	
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	0	
6	Diện tích phòng nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)		
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	188	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (ĐVT: bộ)		Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị ĐDDC tối thiểu hiện có theo quy định	18	
2	Số bộ thiết bị, ĐDDC tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	5	Số bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	7	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị		Số thiết

	ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		bị/nhóm (lớp)
1	Tì Vi	3	1/2
2	Bàn ghế đúng quy cách	250	205/17

XI	Nhà vệ sinh	Số lượng(m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*			188		0.7
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	1				

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Nhà trường không đủ điều kiện kiểm định chất lượng giáo dục. Năm 2022 nhà trường có giáo viên vi phạm kỷ luật hình thức: Buộc thôi việc.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	506			87	106	147	166
1	Số trẻ em nhóm ghép				0	0	0	0
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày							

3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	506			87	106	147	166
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	1						1
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	506			87	106	147	166
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe							
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	506			87	106	147	166
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	506			87	106	147	166
1	Số trẻ cân nặng bình thường					105	147	166
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân					1	0	0
3	Số trẻ có chiều cao bình thường					106	147	166
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi					1	2	
5	Số trẻ thừa cân béo phì					1	2	5
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	506			87	106	147	166
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	87			87			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	419				106	147	166

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước.

a, Dư năm 2023 chuyển nguồn sang năm 2024:	444.000.000 đ
b, Dự toán giao đầu năm và bổ sung trong năm 2024:	5.854.248.530 đ
c, Kinh phí sử dụng trong năm 2024:	6.161.984.624 đ
+ Chi cho con người:	5.738.976.782 đ
+ Chi hoạt động chung (chuyên môn):	349.182.842 đ
+ Chi mua sắm sửa chữa:	73.825.000 đ
d, Dự toán hủy trong năm 2024:	3.263.906 đ
e, Kinh phí chuyển nguồn sang năm 2025:	133.000.000 đ

2. Các khoản thu chi ngoài ngân sách trong năm học 2024-2025

a, Tiền bán trú

- Thu năm học 2024-2025: 1.253.520.000 đ
- Chi : + Tiền trông trưa : 772.001.600 đ
 - + Trả tiền lương + bảo hiểm NV nuôi : 446.148.000 đ
 - + Nộp thuế 2% : 34.170.400 đ
 - + Trả lại tiền học sinh nghỉ học T5: 1.200.000 đ
- Còn : 0 đ

b, Tiền phụ phí (chất đốt, vệ sinh, nước sạch)

- Tồn cuối năm học 2023-2024 : 43.576 đ
- Thu năm học 2024-2025: 146.696.000 đ
- Chi: + Trả tiền nước sạch: 39.163.500 đ
 - + Trả tiền chất đốt: 83.330.000 đ
 - + Trả tiền mua đồ VS bán trú: 21.049.816 đ
 - + Trả lại tiền học sinh nghỉ học T 5: 132.000 đ
- Còn : 3.064.260 đ chuyển sang năm học 2025 - 2026

c, Tiền ăn của trẻ

- Thu năm học 2024-2025: 1.253.967.000 đ
- Chi : + Trả tiền mua thực phẩm: 1.238.497.000 đ
 - + Trả lại tiền học sinh nghỉ học T5: 15.470.000 đ
- Còn : 0đ

d, Tiền vệ sinh trường lớp

- Tồn năm học 2023-2024 : 34.602 đ
- Thu năm học 2024-2025: 87.320.000 đ
- Chi: + Trả tiền lương NV vệ sinh: 54.000.000 đ
 - + Trả tiền mua đồ VS : 33.274.602 đ
 - + Trả lại tiền học sinh nghỉ học T 5: 80.000 đ
- Còn : 0 đ

e, Tiền mua đồ bán trú cho trẻ mới

- Tồn năm học 2023-2024: 1.441.899 đ
 - Thu năm học 2024-2025: 35.937.000 đ
 - Tiền bán xoong nồi cũ : 2.337.000 đ
 - Chi: + Trả tiền mua đồ dùng bán trú : 32.974.918 đ
 - Còn : 4.403.981 đ
- (Chuyển sang năm học 2025 – 2026)

g, Tiền điện điều hòa

- Thu : 9.920.000 đ
- Chi: + trả tiền điện điều hòa : 5.619.304 đ
 - + Tiền thừa trả lại học sinh : 4.300.696 đ
- Còn : 0đ

h, Tiền nước uống của trẻ+ tiền ĐĐĐC của trẻ

- Tồn năm học 2023-2024: 17.180 đ
- Năm học 2024-2025 không thu tiền nước uống và tiền đđđc mới của trẻ

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC CỦA CƠ SỞ, CỦA NGÀNH.

- Kết quả Tham gia Hội thi Giáo viên dạy giỏi cấp Thành phố 2/2 giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp Thành phố: Nhà trường Xếp thứ 3/10 trường trong cụm 1.

- 100% trẻ các khối lớp tham dự giao lưu: “ Bé khỏe – Bé khéo” cấp trường.

Kết quả: Ban tổ chức trao 4 Giải Nhất; 4 Giải Nhì; 4 Giải Ba; 6 giải Khuyến khích cho các tập thể:

- 4 giải Nhất: Tập thể lớp 5TE; 4TE; 3TE; NTA

- 4 Giải Nhì: Tập thể lớp 5TD; 4TB; 3TC; Nhà trẻ C

- 4 Giải Ba: Tập thể lớp 5TA; 4TC; 3TD; Nhà trẻ B

- 6 Giải khuyến khích: Tập thể lớp 5TB; 5TC; 4TA; 4TD; 3TA; 3TB

- 100% trẻ các khối lớp tham dự hoạt động trải nghiệm: “Bé bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu” cấp trường.

- Các cháu Khối 5 tuổi tham gia Giao lưu “ Bé khỏe – Bé khéo” cấp Thành phố Đạt giải Khuyến khích.

- Kết quả đánh giá chất lượng cuối năm trẻ MG 3,4,5 tuổi đạt 100% trẻ đạt, không có trẻ không đạt.

- Nhà trường có 08 đ/c CBGVNV có sáng kiến được công nhận cấp cơ sở.

- Nhà trường có 01 bài viết được đưa tin trên Đài truyền hình Tỉnh Hải Dương. 01 bài viết được đưa tin trong các bảng tin của Đài truyền thanh Thành phố, 21 bài viết đưa tin trên Website của Phòng Giáo dục Chí Linh. 11 bài viết được đưa tin trên Website của nhà trường.

- Kết quả bình xét thi đua:

+ Tập thể đạt danh hiệu: Tập thể lao động tiên tiến

+ 39 đ/c đạt danh hiệu lao động tiên tiến.

+ 06 đ/c được công nhận danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở.

+ 06 đ/c được Chủ tịch UBND thành phố tặng giấy khen.

+ 02 đ/c đề nghị Bằng khen của chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh.

Bé đạt danh hiệu bé ngoan toàn diện: 160 cháu; danh hiệu bé ngoan: 340 cháu

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thị Tú Lan